

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/KDTM ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng*”

Dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư

2. Bà Thái Thực Hiền

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm, thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 27/2012/TLST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2012 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151 /2020/QĐ-HPT ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH PB

Địa chỉ: 295 đường N, phường T, quận P, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: 108/11 đường M, Phường C, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông A; Địa chỉ: 1073/41 đường N, Phường D, quận B, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: 89-91 (lầu 1, phòng 21) đường ND, phường BN, Quận E, Thành phố H theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2011.

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN.

Địa chỉ: 017 Lô I, chung cư F, Phường H, Quận Y, Thành phố H .

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông LA, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 243/40 HD, Phường H, Quận G, Thành phố H.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Trọng Hoàng trình bày: Vào ngày 06/01/2010 Công ty TNHH PB và Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 136/HĐBV/2010 với nội dung cụ thể như sau:

- Công ty TNHH PB nhận cung cấp cho Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN số nhân viên bảo vệ với số lượng 03 vị trí 24/24 giờ bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thứ bảy và chủ nhật). Thời gian bắt đầu triển khai lực lượng bảo vệ là ngày 06/01/2010 là 02 vị trí 24/24 giờ và ngày 09/01/2010 là 01 vị trí 24/24 giờ. Địa điểm bảo vệ: Nhà hàng hải sản Trung Hoa, địa chỉ số 117 Lạc Long Quân, phường X, Quận XX, Thành phố H; Phí dịch vụ tháng 01/2010 là 18.870.967 đồng, từ tháng 02/2010 phí dịch vụ là 23.400.000 đồng. Phí này chưa bao gồm 10% thuế VAT.

- Đến ngày 04/3/2010 hai bên thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 136/PLHDDBV01/2010 với nội dung cụ thể như sau: Thay đổi số nhân viên bảo vệ còn lại 01 vị trí 24/24 và 01 ca 08 giờ kể từ ngày 04/3/2010. Phí bảo vệ 10.400.000 đồng/ tháng bắt đầu từ 04/3/2010. Phí này chưa bao gồm thuế VAT.

- Phí dịch vụ sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng, nếu trả trễ hạn sẽ phải chịu lãi suất 0,15% ngày trên tổng số tiền chậm trả.

Công ty TNHH PB đã thực hiện đúng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng về việc cung cấp lực lượng bảo vệ. Tính đến tháng 7/2010 phí dịch vụ tổng cộng là 102.630.564 đồng, phía Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN mới thanh toán 18.000.000 đồng còn thiếu số tiền 84.630.564 đồng. Nguyên đơn đã gửi văn bản số 178/2010/CV-PTGD ngày 07/7/2010 và 179/2010/CV-PTGD ngày 03/8/2010 đến Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN để yêu cầu thanh toán công nợ nhưng phía bị đơn không trả lời và cũng không thanh toán tiền. Đến ngày 15/8/2010 phía nguyên đơn đã chấm dứt hợp đồng bảo vệ cho Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN vì không nhận được tiền thanh toán theo thỏa thuận. Ngày 05/9/2011 Công ty TNHH PB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN phải trả toàn bộ số tiền phí dịch vụ còn thiếu là 84.630.564 đồng cùng với tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/8/2011 là 61.868.321 đồng. Tính đến ngày 30/9/2020 bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 162.067.530 đồng trong đó tiền phí dịch vụ còn thiếu là 84.630.564 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 77.436.966 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là 9%/năm trên số tiền còn thiếu với thời gian 122 tháng.

Bị đơn Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN vắng mặt nên không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tổ tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Công ty TNHH PB khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN, các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định của các Điều 30; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về các yêu cầu của các đương sự:

Xét Công ty TNHH PB và Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ. Hợp đồng do người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu công ty phù hợp với qui định về giao dịch dân sự qui định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005. Hai bên có thỏa thuận thời gian, địa điểm, phí dịch vụ cụ thể. Phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ từ tháng 01-2010 đến 15/8/2010. Nguyên đơn đã gửi thông báo về yêu cầu trả tiền thuê dịch vụ và thời hạn ngưng cung cấp dịch vụ là 15/8/2010. Phía bị đơn đã được thông báo thụ lý nhưng không có ý kiến phản đối chứng tỏ có giao dịch về hợp đồng dịch vụ bảo vệ và chưa trả tiền thuê dịch vụ đúng như nguyên đơn trình bày. Nguyên đơn thừa nhận đã nhận được 18.000.000 đồng phí bảo vệ tháng 01/2010 từ bị đơn, số tiền bị đơn còn thiếu là 84.630.564 đồng. Xét các bên không tranh chấp về dịch vụ do Công ty TNHH PB cung cấp mà chỉ tranh chấp về phí dịch vụ Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN phải trả. Xét hợp đồng ngày 06/01/2010 và phụ lục hợp đồng ngày 04/3/2010 thì tháng 01/2010 phí dịch vụ là 18.870.967 đồng, từ tháng 02/2010 phí dịch vụ là 23.400.000 đồng, từ tháng 3/2010 phí dịch vụ là 10.400.000 đồng chưa tính VAT. Công ty TNHH PB cung cấp dịch vụ đầy đủ theo yêu cầu của bị đơn từ tháng 1/2010 đến 15/8/2010, hàng tháng đều gửi thông báo và hóa đơn tính tiền cho Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN nhưng không nhận được phản hồi về hóa đơn tính tiền cũng như không nhận được tiền phí dịch vụ. Có cơ sở xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn 84.630.564 đồng tiền phí dịch vụ. Theo hợp đồng nếu thanh toán không đầy đủ thì phải chịu phạt 0,15%/ngày trên số tiền chậm trả, theo Điều 306 luật thương mại năm 2005 quy định về quyền

yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi 9%/năm thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án tính từ thời điểm có đơn yêu cầu Thi hành án của bên được thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 122, Điều 388 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 74, Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ;
- Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền phí dịch vụ của nguyên đơn Công ty TNHH PB:

Buộc Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN thanh toán cho Công ty TNHH PB số tiền 162.067.530 (Một trăm sáu mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi) đồng trong đó tiền phí dịch vụ còn thiếu là 84.630.564 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 77.436.966 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực Pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH PB nếu Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ bất động sản TN phải chịu là 8.103.376 (Tám triệu một trăm lẻ ba ngàn ba trăm bảy mươi sáu) đồng.

Công ty TNHH PB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.663.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2011/00166 ngày 18/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thúy Hòa

